

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2022/DS-ST.

Ngày: 26/5/2022

V/v tranh chấp về chia di sản thừa
kế là quyền sử dụng đất và tài sản
gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952.

Địa chỉ: 17/5N ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bà B: Ông Trần Thế V (có mặt)

Địa chỉ: 17/5N ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985 (có mặt)

2/ Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973 (vắng mặt)

3/ Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977 (có mặt)

4/ Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979 (có mặt)

5/ Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

6/ Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

7/ Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990 (có mặt)

8/ Nguyễn Văn P, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng cư ngụ: 73/3 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ưu T (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2021, bản tự khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Võ Thị X chết có để lại nhà đất tại địa chỉ 67/1 ấp T, xã T, huyện H, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2018, một phần nhà đất bị nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Đặng Thúc Vịnh. Tổng giá trị bồi thường là 799.575.000 đồng. Do có tranh chấp nên số tiền này đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước Hóc Môn.

Bà Võ Thị X (chết năm 2003) có chồng là ông Đỗ Văn L (chết năm 1998). Ông L và bà X có 02 người con :

1/ Ông Nguyễn Văn H (chết năm 2008), ông H có vợ là bà Nguyễn Thị R (chết), ông H, bà R có tất cả 8 người con: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, Nguyễn Văn P.

2/ Bà Nguyễn Thị B.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn chia di sản thừa kế của bà Võ Thị X để lại là nhà đất số 67/1 ấp T, xã T, huyện H thuộc thửa đất số 198-1, 199-1, tờ bản đồ số 17 (TL 1995); Theo TL 2005 nhà đất thuộc thửa 44-1 và số tiền đền bù giải phóng mặt bằng nhà đất trên là 799.575.000 đồng theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày tại bản khai ngày 17/03/2021:*

Ông Đỗ Văn L (chết năm 1998) và bà Võ Thị X (chết năm 2003). Ông L và bà X có 02 người con :

1/ Ông Nguyễn Văn H (chết năm 2008), ông H có vợ là bà Nguyễn Thị R (chết), ông H, bà R có tất cả 8 người con : Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, Nguyễn Văn P.

2/ Bà Nguyễn Thị B (bị bệnh tâm thần, không sống chung với chồng, có 04 người con).

Bà Võ Thị X chết có để lại nhà đất tại địa chỉ 67/1 ấp T, xã T, huyện H, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2018, một phần nhà đất bị nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Đặng Thúc

Vịnh. Tổng giá trị bồi thường là 799.575.000 đồng. Do có tranh chấp nên số tiền này đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước Hóc Môn.

Hơn 13 năm, ba của bà là ông Nguyễn Văn H đã lo lắng và chăm sóc cho bà Võ Thị X và bà Nguyễn Thị B. Khi ông H chết thì bà T1 ở nhà này và mấy anh em thay ông H lo cho bà B.

Bà Võ Thị X có ghi giấy tay ủy quyền cho ông H kê khai căn nhà 67/1 ấp T, xã T, huyện Hóc Môn tại ban tư pháp ngày 28/8/1999 để sử dụng và đăng ký lại nhà. Nhưng nay bà B (có đại diện là ông Trần Thế V, con của bà B) khởi kiện đòi chia thừa kế theo pháp luật.

Nay bà T yêu cầu Tòa án xem xét phân chia thừa kế theo pháp luật và nghĩa vụ chăm sóc lo lắng cho bà B khi bà không tự quản được phần tài sản sau khi phân chia.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại bản tự ngày 22/03/2021, nội dung như sau: Ông Đỗ Văn L (chết năm 1998) và bà Võ Thị X (chết năm 2003). Ông L và bà X có 02 người con :

1/ Ông Nguyễn Văn H (chết năm 2008), ông H có vợ là bà Nguyễn Thị R (chết), ông H, bà R có tất cả 8 người con : Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, Nguyễn Văn P.

2/ Bà Nguyễn Thị B (bị bệnh tâm thần, không sống chung với chồng, có 04 người con).

Bà Võ Thị X chết có để lại nhà đất tại địa chỉ 67/1 ấp T, xã T, huyện H, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2018, một phần nhà đất bị nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Đặng Thúc Vịnh. Tổng giá trị bồi thường là 799.575.000 đồng. Do có tranh chấp nên số tiền này đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước Hóc Môn.

Hơn 13 năm, ba của bà là ông Nguyễn Văn H đã lo lắng và chăm sóc cho bà Võ Thị X và bà Nguyễn Thị B. Khi ông Hai chết thì bà T1 ở nhà này.

Bà Võ Thị X có ghi giấy tay ủy quyền cho ông H kê khai căn nhà 67/1 ấp T, xã T, huyện H tại ban tư pháp ngày 28/8/1999 để sử dụng và đăng ký lại nhà. Nhưng nay bà B (có đại diện là ông Trần Thế V, con của bà B) khởi kiện đòi chia thừa kế theo pháp luật.

Nay ý kiến của ông T: Chia đôi số tiền bồi thường mà Nhà nước thu hồi để nâng cấp đường Đặng Thúc Vịnh và căn nhà số 67/1 ấp T, xã T, huyện H cho 02 phần là các con ông H và bà B. Sau khi nhận tiền thì phải cam kết, phụng dưỡng bà B.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh T2 trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại bản tự ngày 22/03/2021, nội dung như sau: Ông Đỗ Văn L (chết năm 1998) và bà Võ Thị X (chết năm 2003). Ông L và bà X có 02 người con :

1/ Ông Nguyễn Văn H (chết năm 2008), ông H có vợ là bà Nguyễn Thị R (chết), ông H, bà R có tất cả 8 người con : Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, Nguyễn Văn P.

2/ Bà Nguyễn Thị B (bị bệnh tâm thần, không sống chung với chồng, có 04 người con).

Bà Võ Thị X chết có để lại nhà đất tại địa chỉ 67/1 ấp T, xã T, huyện H, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2018, một phần nhà đất bị nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Đặng Thúc Vịnh. Tổng giá trị bồi thường là 799.575.000 đồng. Do có tranh chấp nên số tiền này đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước Hóc Môn.

Hơn 13 năm, ba của bà là ông Nguyễn Văn H đã lo lắng và chăm sóc cho bà Võ Thị X và bà Nguyễn Thị B. Khi ông H chết thì bà T2 ở nhà này.

Bà Võ Thị X có ghi giấy tay ủy quyền cho ông Hai kê khai căn nhà 67/1 ấp T, xã T, huyện H tại ban tư pháp ngày 28/8/1999 để sử dụng và đăng ký lại nhà. Nhưng nay bà B (có đại diện là ông Trần Thế V, con của bà B) khởi kiện đòi chia thừa kế theo pháp luật.

Nay ý kiến của ông T: Chia đôi số tiền bồi thường mà Nhà nước thu hồi để nâng cấp đường Đặng Thúc Vịnh và căn nhà số 67/1 ấp T, xã T, huyện H cho 02 phần là các con ông H và bà B. Sau khi nhận tiền thì phải cam kết, phụng dưỡng bà B cho đến cuối đời.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại bản tự ngày 17/03/2021, nội dung như sau: Ông Đỗ Văn L (chết năm 1998) và bà Võ Thị X (chết năm 2003). Ông L và bà X có 02 người con :

1/ Ông Nguyễn Văn H (chết năm 2008), ông H có vợ là bà Nguyễn Thị R (chết), ông H, bà R có tất cả 8 người con : Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, Nguyễn Văn P.

2/ Bà Nguyễn Thị B (bị bệnh tâm thần, không sống chung với chồng, có 04 người con).

Bà Võ Thị X chết có để lại nhà đất tại địa chỉ 67/1 ấp T, xã T, huyện H, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2018, một phần nhà đất bị nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Đặng Thúc Vịnh. Tổng giá trị bồi thường là 799.575.000 đồng. Do có tranh chấp nên số tiền này đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước Hóc Môn.

Hơn 13 năm, ba của bà là ông Nguyễn Văn H đã lo lắng và chăm sóc cho bà Võ Thị X và bà Nguyễn Thị B. Khi ông H chết thì bà T1 ở nhà này và mấy anh em thay ông H lo cho bà B.

Bà Võ Thị X có ghi giấy tay ủy quyền cho ông H kê khai căn nhà 67/1 ấp T, xã T, huyện H tại ban tư pháp ngày 28/8/1999 để sử dụng và đăng ký lại nhà. Nhưng nay bà B (có đại diện là ông Trần Thế V, con của bà B) khởi kiện đòi chia thừa kế theo pháp luật.

Nay ông S có ý kiến: Đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Nếu ai nhận phần tiền của bà B và cam kết nuôi dưỡng bà B thì phải có trách nhiệm chăm sóc cho bà B đến sau này.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày tại bản khai ngày 22/3/2021:

Ông vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại bản tự ngày 22/03/2021, nội dung như sau: Ông Đỗ Văn L (chết năm 1998) và bà Võ Thị X (chết năm 2003). Ông L và bà X có 02 người con :

1/ Ông Nguyễn Văn H (chết năm 2008), ông H có vợ là bà Nguyễn Thị R (chết), ông H, bà R có tất cả 8 người con : Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, Nguyễn Văn P.

2/ Bà Nguyễn Thị B (bị bệnh tâm thần, không sống chung với chồng, có 04 người con).

Bà Võ Thị X chết có để lại nhà đất tại địa chỉ 67/1 ấp T, xã T, huyện H, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2018, một phần nhà đất bị nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Đặng Thúc Vịnh. Tổng giá trị bồi thường là 799.575.000 đồng. Do có tranh chấp nên số tiền này đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước Hóc Môn.

Hơn 13 năm, ba của bà là ông Nguyễn Văn H đã lo lắng và chăm sóc cho bà Võ Thị X và bà Nguyễn Thị B. Khi ông H chết thì bà T1 ở nhà này.

Bà Võ Thị X có ghi giấy tay ủy quyền cho ông Hai kê khai căn nhà 67/1 ấp T, xã T, huyện H tại ban tư pháp ngày 28/8/1999 để sử dụng và đăng ký lại nhà. Nhưng nay bà B (có đại diện là ông Trần Thế V, con của bà B) khởi kiện đòi chia thừa kế theo pháp luật.

Nay ý kiến của ông P: Chia đôi số tiền bồi thường mà Nhà nước thu hồi để nâng cấp đường Đặng Thúc Vịnh và căn nhà số 67/1 ấp T, xã T, huyện H cho 02 phần là các con ông H và bà B. Sau khi nhận tiền thì phải cam kết, phụng dưỡng bà B.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày tại bản tự khai ngày 22/3/2021:

Bà vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại bản tự ngày 22/03/2021, nội dung như sau: Ông Đỗ Văn L (chết năm 1998) và bà Võ Thị X (chết năm 2003). Ông L và bà X có 02 người con :

1/ Ông Nguyễn Văn H (chết năm 2008), ông H có vợ là bà Nguyễn Thị R (chết), ông H, bà R có tất cả 8 người con : Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, Nguyễn Văn P.

2/ Bà Nguyễn Thị B (bị bệnh tâm thần, không sống chung với chồng, có 04 người con).

Bà Võ Thị X chết có để lại nhà đất tại địa chỉ 67/1 ấp T, xã T, huyện H, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2018, một phần nhà đất bị nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Đặng Thúc Vịnh. Tổng giá trị bồi thường là 799.575.000 đồng. Do có tranh chấp nên số tiền này đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước Hóc Môn.

Hơn 13 năm, ba của bà là ông Nguyễn Văn H đã lo lắng và chăm sóc cho bà Võ Thị X và bà Nguyễn Thị B. Khi ông H chết thì bà T2 ở nhà này.

Bà Võ Thị X có ghi giấy tay ủy quyền cho ông H kê khai căn nhà 67/1 ấp T, xã T, huyện H tại ban tư pháp ngày 28/8/1999 để sử dụng và đăng ký lại nhà. Nhưng nay bà B (có đại diện là ông Trần Thế V, con của bà B) khởi kiện đòi chia thừa kế theo pháp luật.

Nay ý kiến của bà V: Chia đôi số tiền bồi thường mà Nhà nước thu hồi để nâng cấp đường Đặng Thúc Vịnh và căn nhà số 67/1 ấp T, xã T, huyện H cho 02 phần là các con ông H và bà B. Sau khi nhận tiền thì phải cam kết, phụng dưỡng bà B.

*Bị đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày tại bản tự ngày 22/03/2021, nội dung như sau: Ông Đỗ Văn L (chết năm 1998) và bà Võ Thị X (chết năm 2003). Ông L và bà X có 02 người con :

1/ Ông Nguyễn Văn H (chết năm 2008), ông H có vợ là bà Nguyễn Thị R (chết), ông H, bà R có tất cả 8 người con : Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, Nguyễn Văn P.

2/ Bà Nguyễn Thị B (bị bệnh tâm thần, không sống chung với chồng, có 04 người con).

Bà Võ Thị X chết có để lại nhà đất tại địa chỉ 67/1 ấp T, xã T, huyện H, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2018, một phần nhà đất bị nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để nâng cấp, sửa chữa đường Đặng Thúc Vịnh. Tổng giá trị bồi thường là 799.575.000 đồng. Do có tranh chấp nên số tiền này đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước Hóc Môn.

Hơn 13 năm, ba của bà là ông Nguyễn Văn H đã lo lắng và chăm sóc cho bà Võ Thị X và bà Nguyễn Thị B. Khi ông H chết thì bà T2 ở nhà này.

Bà Võ Thị X có ghi giấy tay ủy quyền cho ông H kê khai căn nhà 67/1 ấp T, xã T, huyện H tại ban tư pháp ngày 28/8/1999 để sử dụng và đăng ký lại nhà.

Nhưng nay bà B (có đại diện là ông Trần Thế V, con của bà B) khởi kiện đòi chia thừa kế theo pháp luật.

Nay ý kiến của ông C: Chia đôi số tiền bồi thường mà Nhà nước thu hồi để nâng cấp đường Đặng Thúc Vịnh và căn nhà số 67/1 ấp T, xã T, huyện H cho 02 phần là các con ông H và bà B. Sau khi nhận tiền thì phải cam kết, phụng dưỡng bà B cho đến khi bà B mất.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày tại bản tự khai ngày 15/3/2021:

Ông bà nội bà là ông Đỗ Văn L và bà Võ Thị X chết có để lại căn nhà số 67/1 ấp T, xã T, huyện H, nhà này do bà và bà B ở thờ tự tổ tiên. Do bà B bệnh tâm thần nên chồng bà B để bà B trong bệnh viện, bà nội bà đem về nuôi dưỡng. Đến năm 2003 bà nội bà là bà X chết nên bà vô căn nhà này ở và thờ tự, sửa sang nhà cửa và chăm sóc bà B cho đến nay.

Nay ông V đại diện bà B kiện chia thừa kế, bà rất bức xúc nhưng do không muốn nảy sinh mâu thuẫn nên bà đồng ý phân chia nhà đất còn lại và số tiền 799.575.000 đồng theo pháp luật với điều kiện phải hỗ trợ cho bà phần tiền để nuôi dưỡng bà B, vì tới thời điểm hiện nay có bà nuôi dưỡng bà B.

Ngoài ra, bà T1 yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả lại cho bà tiền sửa chữa nhà khi nhà bị nhà nước giải tỏa căn nhà 67/1 ấp T, xã T, huyện H số tiền 30.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H – có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Ưu T trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đề nghị Tòa án căn cứ Luật đất đai giải quyết theo quy định. Trong vụ án này Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa về việc: Bà B được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền bồi thường và $\frac{1}{2}$ giá trị diện tích nhà đất; Phần còn lại chia đều cho 8 người con của ông H. Căn nhà hiện bà T1 đang sinh sống ổn định giao cho bà T1 sử dụng nhưng bà T1 có nghĩa vụ hoàn trả tiền cho bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thanh T2, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị B. Tại phiên tòa, bà T1 rút yêu cầu các đồng thừa kế trả lại số tiền 30.000.000 đồng là tiền sửa chữa nhà nên đình chỉ yêu cầu này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 BLTTDS, Điều 649, 650, 651, 660 BLDS chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Đình chỉ yêu cầu của bà T1 về việc yêu cầu các đồng thừa kế trả lại số tiền 30.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng ông S, bà V, ông C và đại diện Ủy ban nhân dân huyện H có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Sơn, bà V, ông Cg và đại diện Ủy ban nhân dân huyện H theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngày 08/01/2021 bà Nguyễn Thị B có người đại diện hợp pháp là ông Trần Thế V có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết tranh chấp về chia thừa kế tài sản của ông Đỗ Văn L và bà Võ Thị X là nhà đất số 67/1 ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 198-1, 199-1, tờ bản đồ số 17 (TL 1995); Theo TL 2005 nhà đất thuộc thửa 44-1 và số tiền đền bù giải phóng mặt bằng nhà đất trên là 799.575.000 đồng theo quy định của pháp luật. Do đó, được xác định là quan hệ “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Võ Thị X chết để lại nhà đất số 67/1 ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 198-1, 199-1, tờ bản đồ số 17 (TL 1995); Theo TL 2005 nhà đất thuộc thửa 44-1 và số tiền đền bù giải phóng mặt bằng nhà đất trên là 799.575.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị B và chi ông Nguyễn Văn H thành 02 kỷ phần bằng nhau. Bên nào nhận hiện trạng nhà đất thì có trách nhiệm thối lại phần chênh lệch.

Tại phiên tòa, phía bị đơn là bà T, ông T, bà T1, ông C, ông T2 đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị người đại diện hợp pháp của bà B là ông V phải có nghĩa vụ chăm sóc bà B suốt đời. Ông V đồng ý với ý kiến của các bị đơn vì hiện tại ông V là người giám hộ cho bà B và là người đang trực tiếp chăm sóc bà B.

Hội đồng xét thấy:

- Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất khai: Bà Võ Thị X (chết năm 2003), có chồng là ông Đỗ Văn L (chết năm 1998), bà X và ông L có tất cả 02 người con: Bà Võ Thị B và ông Nguyễn Văn H (chết năm 2008).

Ông Nguyễn Văn H có vợ là bà Nguyễn Thị R (chết), ông H và bà R có tất cả 08 người con: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985, Nguyễn Thanh S, sinh năm 1973, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988, Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1990, Nguyễn Văn P, sinh năm 1974.

- Về nguồn gốc nhà đất số 67/1 ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 198-1, 199-1, tờ bản đồ số 17 (TL 1995); Theo TL 2005 nhà đất thuộc thửa 44-1 và số tiền 799.575.000 đồng từ việc giải tỏa một phần nhà đất số 67/1 ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà đất do bà Võ Thị X sử dụng từ trước 15/10/1993. Theo tài liệu bản đồ năm 1995 bà X

kê khai. Tài liệu năm 2005 do bà Nguyễn Thị B kê khai. Do bà X chết không để lại di chúc định đoạt phần tài sản của mình nên tài sản trên trở thành di sản thừa kế và chưa chia.

- Theo chứng thư thẩm định giá ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng thì nhà đất tranh chấp nêu trên có giá trị:

* Nhà: Diện tích $12.20 \text{ m}^2 \times 70 \% \times 3.781.000 \text{ đồng/m}^2 = 32.289.740 \text{ đồng}$

* Đất: diện tích $12.2 \text{ m}^2 \times 53.994.624 \text{ đồng/m}^2 = 658.734.412 \text{ đồng}$

Tổng cộng giá trị đất: 691.024.152 đồng.

Như vậy, di sản thừa kế do bà X để lại có giá trị là 691.024.152 đồng + 799.575.000 đồng = 1.490.599.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, có đại diện hợp pháp là ông Trần Thế V đối với di sản của bà Võ Thị X theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà X chết năm 2003, chồng bà X là ông L chết năm 1998, thì những người thừa kế di sản theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà X gồm các con của bà X là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B. Tất cả là 02 kỹ phần.

Di sản thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà X để lại trị giá 691.024.152 đồng và số tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 799.575.000 đồng, tổng cộng là 1.490.599.000 đồng. Như vậy, mỗi người thừa kế của bà X sẽ được hưởng di sản bằng nhau, mỗi kỹ phần trị giá: $1.490.599.000 \text{ đồng} : 2 \text{ phần} = 745.299.500 \text{ đồng}$.

Do đó, phần của ông Nguyễn Văn H là 745.299.500 đồng chia cho 8 người con của ông Hai gồm: Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn P, mỗi người được hưởng 93.162.437 đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 799.575.000 đồng : 2 = 399.787.500 đồng. Bà B (có người giám hộ là ông V) được nhận 399.787.500 đồng, 8 người con ông Hai gồm Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn P, mỗi người được nhận: $399.787.500 : 8 = 49.973.437 \text{ đồng}$.

- Số tiền trị giá nhà đất số 67/1 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 198-1, 199-1, tờ bản đồ số 17 (TL 1995); Theo TL 2005 nhà đất thuộc thửa 44-1 là 691.024.152 đồng : 2 = 345.512.076 đồng. Bà B (người giám hộ là ông V) nhận được 345.512.076 đồng, 8 người con ông H gồm Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn P, mỗi người được nhận: $345.512.076 : 8 = 43.189.009 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị Thanh T1 rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bà T1 yêu cầu được nhận nhà đất và hoàn trả lại cho các đồng thừa kế khác theo giá trị nhà đất đã được thẩm định giá ngày 15/11/2021 giá trị bằng tiền tương ứng với kỷ phần mà họ được nhận. Hội đồng xét thấy, đối với nguyên đơn là bà B bị mất năng lực hành vi dân sự và đang được con bà B là ông Trần Thế V chăm sóc tại nhà riêng và không có nhu cầu nhận hiện vật, các đồng thừa kế còn lại cũng không có nhu cầu nhận hiện vật, đồng thời bà T1 cũng đã sinh sống trong căn nhà này từ khi bà X chết đến nay, có đóng thuế cho Nhà nước, do đó, yêu cầu này của bà T1 có cơ sở chấp nhận. Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 được toàn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà đất nhà đất số 67/1 ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 198-1, 199-1, tờ bản đồ số 17 (TL 1995); Theo TL 2005 nhà đất thuộc thửa 44-1. Bà T1 có trách nhiệm trả lại cho các đồng thừa kế khác phần chênh lệch như sau:

- Bà T1 phải hoàn trả cho bà B (người giám hộ là ông V) số tiền 345.512.000 đồng.

- Bà T1 phải hoàn trả cho bà T, ông S, ông T, bà V, ông C, ông T2, ông P mỗi người 43.189.000 đồng.

[6] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và bị đơn là bà T, ông T, bà T1, ông C, ông T2 đều thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án như đã phân chia trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét ý kiến của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh C: Yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật, yêu cầu của phía bị đơn phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[8] Về án phí và các chi phí tố tụng:

- * Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng. Cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn P, mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền: 93.162.437 đồng = 4.658.122 đồng.

- Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- * Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí định giá và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 217 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 631, 634, 635, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa bà Nguyễn Thị Ba (có người giám hộ là ông Trần Thế V) và bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn P:

- Xác định nhà đất số 67/1 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 198-1, 199-1, tờ bản đồ số 17 (TL 1995); Theo TL 2005 nhà đất thuộc thửa 44-1, theo bản đồ hiện trạng vị trí số: 107485/TTĐĐBĐ-CNHM (CS1) ngày 11/02/2022 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 691.024.152 đồng và số tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 799.575.000 đồng là di sản do bà Võ Thị X để lại.

- Số tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 799.575.000 đồng: Bà Nguyễn Thị Ba (có người giám hộ là ông Trần Thế V) được nhận 399.787.500 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn P, mỗi người được nhận 49.973.437 đồng.

- Số tiền giá trị nhà đất 691.024.152 đồng: Bà Nguyễn Thị B (có người giám hộ là ông Trần Thế V) nhận được 345.512.076 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn P, mỗi người được nhận 43.189.009 đồng, cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm thanh toán lại cho Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn P, mỗi người 43.189.009 đồng.

+ Bà T1 có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Bà Nguyễn Thị B (có người giám hộ là ông Trần Thế V) 345.512.000 đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 nhà đất số 67/1 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 198-1, 199-1, tờ bản đồ số 17 (TL 1995); Theo TL 2005 nhà đất thuộc thửa 44-1 theo bản đồ hiện trạng vị trí số: 107485/TTĐĐBĐ-CNHM (CS1) ngày 11/02/2022 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thanh T1 về việc yêu cầu nguyên đơn, bị đơn hoàn trả số tiền sửa chữa nhà 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh V, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Văn P, mỗi người phải chịu 4.658.122 đồng.

- Trả lại cho bà T1 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0038699 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Bà Nguyễn Thị B (có người giám hộ là ông V) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đại diện nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDHHM;
- THA DS HHM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng